

Số: 1528/CSVN-KSV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2018

V/v Thẩm định Báo cáo tài chính
2017 Công ty mẹ - Tập đoàn Công
nghiệp cao su Việt Nam.

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Hội đồng thành viên Tập đoàn CNCS Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 7/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 28/2014/NĐ-CP ngày 10/04/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt nam.

Căn cứ Quyết định số 397/QĐ-BNN-QLDN ngày 10/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Kiểm soát viên tài chính đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 của công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo quy định. (Biên bản thẩm định báo cáo tài chính kèm theo)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TCKT
- Lưu: VT, KSV.

KIỂM SOÁT VIÊN TÀI CHÍNH TẬP ĐOÀN



Đỗ Minh Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2018

BIÊN BẢN
THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017
CỦA CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ -BTC ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chế hoạt động và mối quan hệ của Kiểm soát viên do Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm;

Căn cứ Quyết định số 397/QĐ-BNN-QLDN ngày 10/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2904/QĐ-BNN-QLDN ngày 04/7/2017 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc tạm giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

Hôm nay, ngày tháng 5 năm 2018 tại Văn phòng Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Kiểm soát viên tài chính chủ trì phối hợp với Kiểm soát viên chuyên ngành và đại diện Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017.

A. THÀNH PHẦN:

I. KIỂM SOÁT VIÊN TẬP ĐOÀN.

1. Ông: Đỗ Minh Quang - Kiểm soát viên tài chính.
2. Ông: Nguyễn Văn Hải - Chuyên viên KSV Tập đoàn

II. ĐẠI DIỆN CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM.

1. Ông: Huỳnh Văn Bảo - Phó Tổng giám đốc.
- 2 Ông: Bùi Thanh Tâm - Phó Trưởng Ban TCKT,

B. NỘI DUNG KIỂM TRA: Thẩm định số liệu trong báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

C. KẾT QUẢ KIỂM TRA:

1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

- Vốn chủ sở hữu: Tính đến 31/12/2017, vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ là 39.386 tỷ đồng tăng 5.991 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2017 (33.395 tỷ đồng), nguyên nhân tăng vốn chủ sở hữu chủ yếu là do hạch toán tăng vốn đầu tư chủ sở hữu và đánh giá lại tài sản theo số liệu xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tập đoàn tại thời điểm 01/01/2016 theo Quyết định số 3551/QĐ-BNN-QLDN ngày 31/8/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

- Tổng tài sản của Công ty mẹ: tại thời điểm 31/12/2017 là 39.957 tỷ đồng tăng 3.480 tỷ đồng so thời điểm 01/01/2017 là 36.477 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: năm 2017 là 1.021 tỷ đồng tăng 232 tỷ đồng so với năm 2016 (năm 2016 là 789 tỷ đồng).

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: Năm 2017 là 2,60%, tăng 0,37% so với năm 2016 (năm 2016 là 2,23%).

- Hệ số bảo toàn vốn Công ty mẹ năm 2017 là 1,04 lần > 1 lần.

Qua đó cho thấy Công ty mẹ - Tập đoàn đã bảo toàn và phát triển được vốn nhà nước.

2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

a) Đầu tư góp vốn vào 24 Công ty con, đơn vị sự nghiệp do Công ty mẹ - Tập đoàn giữ 100% vốn điều lệ là 18.589 tỷ đồng.

Tập đoàn tiếp tục đầu tư vốn vào các công ty cao su theo tiến độ thực hiện dự án hàng năm đảm bảo góp đủ vốn điều lệ trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt hàng năm. Tiếp tục thoái vốn tại các doanh nghiệp theo Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 05/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2012-2015. Trong năm 2017, Tập đoàn đã thoái 1 phần vốn Quỹ đầu tư Việt Nam, phần còn lại sẽ thoái trong năm 2018. Đối với vốn đầu tư tại 4 công ty thủy điện với giá trị vốn góp là 841.994 triệu đồng Tập đoàn đã tổ chức bán đấu giá thành công hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Về kết quả SXKD năm 2017 của các đơn vị thành viên do Tập đoàn góp vốn: đa số các đơn vị thành viên có vốn góp của Tập đoàn đều có lãi, một số đơn vị cao su bị lỗ do năm 2017 mới đưa vào khai thác nên năng suất thấp, giá thành cao hơn giá bán nên chưa mang lại hiệu quả SXKD.

3 Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

a) Tổng số vốn đã huy động đến 31/12/2017 là: 254.774 triệu đồng

Trong đó:

- Nợ vay dài hạn AFD: 252.117 triệu đồng

Chia ra:

+ Nợ đến hạn trả 2018: 31.515 triệu đồng

+ Nợ vay dài hạn AFD: 220.602 triệu đồng

(Tập đoàn vay và nhận nợ với AFD và cho các công ty cao su khu vực Tây nguyên vay lại theo Chương trình phát triển cao su quốc doanh khu vực Tây nguyên, thời gian trả nợ 25 năm).

- Vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh Sài Gòn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn với số tiền là 2.657 triệu đồng

Nhận xét:

Các khoản vay vốn nói trên đã góp phần phát triển các dự án cao su tại khu vực Tây nguyên đã mang lại hiệu quả tốt, đề nghị Tập đoàn rà soát lại cụ thể hiệu quả và khả năng trả nợ của từng dự án mà các đơn vị sử dụng để đảm bảo khả năng thanh toán nợ.

Đối với khoản vay vốn lưu động để phục vụ SXKD tại Công ty mẹ - Tập đoàn đã góp phần giải quyết kịp thời vốn lưu động cho công ty mẹ trong hoạt động SXKD năm 2017.

b) Tình hình bảo lãnh cho các Công ty cổ phần có vốn góp của Công ty mẹ - Tập đoàn vay vốn tại các tổ chức tín dụng:

Đến 31/12/2017, tổng số bảo lãnh các khoản nợ vay của Tập đoàn đối với các khoản vay cho các dự án, công ty con của Tập đoàn là 21.212.500 USD và 3.237 tỷ đồng, trong đó Bảo lãnh vay cho các dự án đầu tư trong nước là 2.891 tỷ đồng; Bảo lãnh cho các dự án đầu tư ngoài nước là 21.212.500 USD và 346 tỷ đồng.

Trong năm 2017: 19 đơn vị hoạt động SXKD có lãi, 5 đơn vị SXKD bị lỗ. Doanh thu đạt 10.874 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế đạt 2.149 tỷ đồng.

5 đơn vị có kết quả SXKD lỗ là 5 đơn vị cao su tại Duyên hải Miền Trung vừa vườn cây cao su mới đưa vào khai thác nên năng suất vườn cây và sản lượng khai thác thấp, đặc biệt năm 2017 các công ty này bị thiệt hại nặng nề do thiên tai (con bão số 12) nên làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD của đơn vị.

b) Đầu tư vốn góp vào 27 công ty cổ phần có vốn góp trên 50% vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tập đoàn là 11.225 tỷ đồng

Kết quả kinh doanh của các đơn vị này Doanh thu đạt 8.463 tỷ đồng bằng 132,32% doanh thu thực hiện năm 2016, lợi nhuận sau thuế đạt 1.159 tỷ đồng bằng 177,22% so thực hiện năm 2016. Trong 7 công ty phát sinh lỗ có 4 công ty cao su khu vực miền núi phía Bắc và 01 đơn vị tại khu vực Miền Trung đang trong thời gian kiến thiết cơ bản có chi phí chung vượt dự toán, 02 đơn vị mới đưa vườn cây vào khai thác nên năng suất vườn cây và sản lượng khai thác thấp, giá thành cao nên chưa mang lại hiệu quả; 2 công ty (Công ty CP DV&DL Cao su lỗ do kinh doanh cao su chưa hiệu quả và Công ty CP gỗ MDF VRG Kiên Giang do mới đưa vào hoạt động, dây chuyền nhà máy chưa hoạt động ổn định và đồng bộ).

Cổ tức được hạch toán từ các công ty cổ phần do Công ty mẹ chiếm trên 50% vốn điều lệ là 84 tỷ đồng (trong đó: cổ tức được chia trong năm 2017 là 281 tỷ đồng từ 7 đơn vị và điều chỉnh giảm theo Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp là 197 tỷ đồng) bằng 0,75% vốn góp. Đa số các công ty cổ phần này đang trong thời kỳ XDCB, một số ít các công ty đã chuyển sang kinh doanh nên có lợi nhuận sau thuế thấp, mức chia cổ tức chưa cao và một số đơn vị có lợi nhuận phát sinh năm 2017 nhưng sẽ được chia cổ tức trong năm 2018.

c) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (22 công ty): 5.616 tỷ đồng.

Doanh thu của các công ty liên kết đạt 4.785 tỷ đồng (bằng 93,84 % doanh thu thực hiện năm 2016), lợi nhuận sau thuế đạt 781 tỷ đồng (bằng 84,51 % lợi nhuận thực hiện năm 2016). Cổ tức hạch toán từ các đơn vị liên kết là 145 tỷ đồng (trong đó: cổ tức được chia trong năm là 169 tỷ đồng từ 6 đơn vị và điều chỉnh giảm theo Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp là 24 tỷ đồng) bằng 2,59 % vốn góp.

d) Đầu tư tài chính vào 12 công ty đơn vị thành viên (có vốn góp dưới 20% vốn điều lệ) là 338 tỷ đồng.

Cổ tức được hạch toán từ các đơn vị này là 6 tỷ đồng (trong đó: cổ tức được chia trong năm là chia 27 tỷ đồng từ 4 đơn vị và điều chỉnh giảm theo Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp là 21 tỷ đồng) bằng 1,73% vốn góp.

Nhận xét:

- Các doanh nghiệp đầu tư góp vốn của Tập đoàn đều thực hiện trong giai đoạn trước năm 2010, riêng Công ty Cổ phần VRG Nhật Bản thành lập năm 2015 và Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Kiên Giang được thành lập và góp vốn năm 2016 theo Quyết định số 7304/BNN-QLDN ngày 11/9/2014 và Công văn số 6254/BNN-QLDN ngày 25/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Quyết định của Hội đồng thành viên Tập đoàn.

4. Quản lý nợ tại doanh nghiệp:

Tập đoàn đã ban hành quy chế quản lý nợ của Công ty mẹ Tập đoàn theo Quyết định số 41/QĐ-HĐTVCSVN ngày 18/12/2014 trên cơ sở Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013, tích cực triển khai việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu và đôn đốc thu hồi nợ theo quy định.

- Tình hình nợ phải thu đến 31/12/2017: 3.414.416 triệu đồng

Trong đó:

+ Nợ phải thu ngắn hạn: 919.045 triệu đồng

+ Nợ phải thu dài hạn: 2.495.371 triệu đồng

Trong đó đã trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn và khó đòi là 28.966 triệu đồng. Số liệu trích lập dự phòng trên chủ yếu là trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu được nhận bàn giao từ Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam sáp nhập vào Công ty mẹ - Tập đoàn theo Quyết định số 1634/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn đã và đang thực hiện nhiều biện pháp để thu hồi các khoản nợ trên thông qua các cơ quan thực thi pháp luật như Cơ quan điều tra (C46) - Bộ Công an, Cơ quan Thi hành án, Tòa án nhân dân các cấp.

- Tình hình nợ phải trả đến 31/12/2017: 570.953 triệu đồng

Trong đó:

+ Nợ phải trả ngắn hạn: 335.274 triệu đồng

(bao gồm: các khoản phải trả về tiền lương, nộp ngân sách, các Quỹ khen thưởng, phúc lợi tập trung, các quỹ khác của Tập đoàn, khoản phải trả đối với các khoản vay của Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su VN khi sáp nhập vào Công ty mẹ - Tập đoàn.....)

+ Nợ dài hạn: 235.679 triệu đồng

(bao gồm: Nợ vay AFD 220.602 triệu đồng và nợ dài hạn khác 15.076 triệu đồng là các khoản ký cược, ký quỹ và các khoản hợp vốn đầu tư của CBCNV Tập đoàn).

5. Số liệu cụ thể:

TÀI SẢN	Số báo cáo của Tập đoàn được kiểm toán	Số thẩm định của KSV	Chênh lệch
1	2	3	4
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.373.987.298.256	1.373.987.298.256	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	351.215.705.931	351.215.705.931	
1. Tiền	83.206.612.103	83.206.612.103	
2. Các khoản tương đương tiền	268.009.093.828	268.009.093.828	

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	53.281.327.261	53.281.327.261	
1. Chứng khoán kinh doanh	6.246.878.161	6.246.878.161	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.965.550.900)	(2.965.550.900)	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.000.000.000	50.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	892.634.244.924	892.634.244.924	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.535.614.110	4.535.614.110	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	21.327.327.500	21.327.327.500	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	131.104.875.705	131.104.875.705	
4. Phải thu ngắn hạn khác	762.077.567.327	762.077.567.327	
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(26.411.139.718)	(26.411.139.718)	
	718.675.481	718.675.481	
IV. Hàng tồn kho			
1. Hàng tồn kho	718.675.481	718.675.481	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	-	-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	76.137.344.659	76.137.344.659	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	865.253.541	865.253.541	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	1.684.628.904	1.684.628.904	
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	73.587.462.214	73.587.462.214	
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	38.583.284.319.340	38.583.284.319.340	
I. Các khoản phải thu dài hạn	2.492.815.786.161	2.492.815.786.161	
1. Phải thu về cho vay dài hạn	1.326.242.133.862	1.326.242.133.862	
2. Phải thu dài hạn khác	1.169.128.952.299	1.169.128.952.299	
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(2.555.300.000)	(2.555.300.000)	

II. Tài sản cố định	151.744.962.232	151.744.962.232	
1. Tài sản cố định hữu hình	135.308.607.327	135.308.607.327	
_ Nguyên giá	245.626.181.203	245.626.181.203	
_ Giá trị hao mòn lũy kế	(110.317.573.876)	(110.317.573.876)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính			
_ Nguyên giá			
_ Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
3. Tài sản cố định vô hình	16.436.354.905	16.436.354.905	
_ Nguyên giá	23.210.860.764	23.210.860.764	
_ Giá trị hao mòn lũy kế	(6.774.505.859)	(6.774.505.859)	
III. Tài sản dở dang dài hạn			
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
VI. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	35.934.530.163.731	35.934.530.163.731	
1. Đầu tư vào công ty con	29.813.894.825.178	29.813.894.825.178	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, LD	5.615.664.983.167	5.615.664.983.167	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	337.834.415.273	337.834.415.273	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư TC dài hạn (*)	(2.864.059.887)	(2.864.059.887)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	170.000.000.000	170.000.000.000	
V. Tài sản dài hạn khác	4.193.407.216	4.193.407.216	
1. Chi phí trả trước dài hạn	4.193.407.216	4.193.407.216	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	39.957.271.617.596	39.957.271.617.596	
NGUỒN VỐN			
A- NỢ PHẢI TRẢ	570.952.871.489	570.952.871.489	
I. Nợ ngắn hạn	335.274.242.627	335.274.242.627	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.046.235.550	13.046.235.550	
2. Người mua trả tiền trước	8.811.435.283	8.811.435.283	
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	28.811.393.124	28.811.393.124	
4. Phải trả người lao động	18.399.210.037	18.399.210.037	

5. Chi phí phải trả ngắn hạn	36.504.949.972	36.504.949.972	
6. Doanh thu chưa thực hiện	156.019.500	156.019.500	
7. Phải trả ngắn hạn khác	108.872.445.499	108.872.445.499	
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	34.171.350.545	34.171.350.545	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	86.501.203.117	86.501.203.117	
II. Nợ dài hạn	235.678.628.862	235.678.628.862	
1. Phải trả dài hạn khác	15.076.317.517	15.076.317.517	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	220.602.311.345	220.602.311.345	
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	39.386.318.746.107	39.386.318.746.107	
I. Vốn chủ sở hữu	39.386.318.746.107	39.386.318.746.107	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.354.777.037.363	27.354.777.037.363	
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	2.437.373.768.203	2.437.373.768.203	
3. Quỹ đầu tư và phát triển	4.642.923.454.498	4.642.923.454.498	
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	301.474.167.728	301.474.167.728	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	4.648.780.231.369	4.648.780.231.369	
7. Quỹ hỗ trợ và SXDN	990.086.946	990.086.946	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
1. Quỹ khác			
2. Nguồn kinh phí			
3. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	39.957.271.617.596	39.957.271.617.596	

6. Nhận xét và kiến nghị.

a) Nhận xét và kiến nghị của Kiểm soát viên:

- Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về các số liệu trong báo cáo quyết toán và các báo cáo khác mà doanh nghiệp cung cấp cho Kiểm soát viên Tập đoàn.

- Kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thực hiện theo chế độ quy định hiện hành và theo kết quả kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

- Việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam: Hệ số bảo toàn vốn (Hệ số H: Vốn nhà nước cuối năm/Vốn nhà nước đầu năm) là 1,04, như vậy Tập đoàn đã bảo toàn và phát triển vốn.

- Đối với các khoản vay của các dự án trồng cao su do Công ty mẹ bảo lãnh với số tiền là 21.212.500 USD và 2.891 tỷ đồng đề nghị Tập đoàn có phân tích đánh giá cụ thể tình hình triển khai dự án, hiệu quả đầu tư, phương án trả nợ của từng dự án cụ thể để đảm bảo khả năng trả nợ cho các ngân hàng.

- Đối với các khoản công nợ phải thu khó đòi phát sinh do việc sáp nhập Công ty Tài chính TNHH MTV Tài chính cao su vào Công ty mẹ Tập đoàn đề nghị rà soát, phân loại cụ thể từng khoản nợ để có biện pháp xử lý và thu hồi theo quy định, trên cơ sở đó có cơ sở báo cáo các Bộ ngành và Chính phủ xử lý gắn với việc cổ phần hóa Công ty Mẹ.

- Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định.

b) Ý kiến của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam:

.....
.....
.....
.....

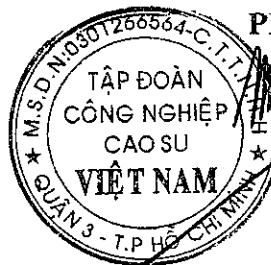
Biên bản được lập 06 bản có giá trị pháp lý như nhau (03 bản gửi Kiểm soát viên tại Tập đoàn, Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam lưu 01 bản, 01 bản gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 01 bản gửi Bộ Tài chính)/.

KIỂM SOÁT VIÊN



Đỗ Minh Quang

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Bảo